TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 683/2019/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 20 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1, khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 816/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Đỗ Thị Ánh Ng, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 04 đường 75, tổ 13, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 04 đường 75, tổ 13, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn Tr có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 01 năm 1999. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông Tr là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận . Quá trình chung sống, bà Ng và ông Tr nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Ng và ông Tr đã trầm trọng , tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết , đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn Tr.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Đỗ Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn Tr có 03 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L , sinh ngày 18/6/2000 (đã

thành niên); Nguyễn Thị Mỹ H , sinh ngày 02/3/2002 và Nguyễn Thị Mỹ D , sinh ngày 24/12/2007. Bà Ng và ông Tr thỏa thuận giao 02 cháu Mỹ H và Mỹ D cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Mỹ H và Mỹ D mỗi cháu là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi 02 cháu Mỹ H và Mỹ D lần lượt tròn 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2019. Xét thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của bà Ng và ông Tr là tự nguyện, không trái quy định pháp luật do đó Tòa án chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn Tr xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn Tr xác định không có nợ chung, do đó Tòa án không xem xét.

[5] Lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), cụ thể bà Đỗ Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn Tr mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn Tr thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08, Quyển số 01 ngày 28 tháng 01 năm 1999 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L , sinh ngày 18/6/2000 (đã thành niên); Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 02/3/2002 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 24/12/2007. Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 02/3/2002 và Nguyễn Thị Mỹ D , sinh ngày 24/12/2007 cho bà Đỗ Thị Ánh Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Mỹ H và Mỹ D mỗi cháu là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi 02 cháu Mỹ H và Mỹ D lần lượt tròn 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2019.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Ng, nếu ông Tr không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông Tr còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn Tr xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn Tr xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), cụ thể bà Đỗ Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn Tr mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Ng và ông Tr đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA /2019/0022172 ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C;
- Chi cục THA dân sự huyện Củ Chi;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Quang Định